

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM PÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 408 /BC-UBND

Nam Pô, ngày 12 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSDP năm 2018,
dự toán và phân bổ dự toán thu, chi NSDP năm 2019**

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

Năm 2018 là năm thứ 02 của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn năm 2017-2021. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo điều hành công tác thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước; các cơ quan, đơn vị đã thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm, có hiệu quả, đúng chế độ chính sách theo Luật ngân sách và kế hoạch giao. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện năm 2018 như sau:

A. Dự ước tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSDP năm 2018

Năm 2018 dự toán thu HĐND huyện phê chuẩn 532.701 triệu đồng, ước thực hiện 539.933 triệu đồng, đạt 101,4% dự toán cụ thể như sau:

Chi tiết ước thực hiện các khoản thu như sau:

1. Thu ngân sách trên địa bàn huyện:

Dự toán giao: 6.000 triệu đồng, ước thực hiện: 6.410 triệu đồng, đạt 106,8% so với dự toán (trong đó: Thu ngân sách huyện hưởng 6.350 triệu đồng), bao gồm:

1.1. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Dự toán giao 2.900 triệu đồng, ước thực hiện: 3.100 triệu đồng, đạt 106,9% so với dự toán.

1.2. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Dự toán giao 100 triệu đồng. Ước thực hiện 100 triệu đồng đạt 100% dự toán giao.

1.3. Lệ phí trước bạ: Dự toán giao 1.000 triệu đồng, ước thực hiện 1.100 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán.

1.4. Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán giao 600 triệu đồng, ước thực hiện 500 triệu đồng, đạt 83,3% so với dự toán.

1.5. Phí và lệ phí: Dự toán giao 300 triệu đồng, ước thực hiện 300 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

1.6. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 1.000 triệu đồng, ước thực hiện 1.200 triệu đồng đạt 120% so với dự toán.

1.7. Thu khác ngân sách: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 110 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán.

2. Thu từ ngân sách cấp trên:

- Dự toán giao theo: 526.751 triệu đồng

- Ước thực hiện 533.583 triệu đồng, đạt 101,3% dự toán giao.

Trong đó: Số bổ sung trong năm tăng 6.832 triệu đồng.

Chi tiết như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ĐTPT chương trình 30a	-1.922	triệu đồng
- Vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	600	triệu đồng
- KP thực hiện chính sách đối với người có uy tín năm 2017	40	triệu đồng
- Kinh phí CTMT đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2017	235	triệu đồng
- Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách năm 2016	126	triệu đồng
- Kinh phí tinh giản biên chế đợt II năm 2018	341	triệu đồng
- Kinh phí thực hiện chính sách tại NĐ 86 năm 2017	2.412	triệu đồng
- Nguồn dự phòng NSDP để khắc phục hậu quả thiên tai	5.000	triệu đồng

B. Ước thực hiện chi NSDP năm 2018:

I. Dự toán chi NSDP năm 2018 HĐND huyện phê chuẩn 532.701 triệu đồng, ước thực hiện năm 536.270 triệu đồng, đạt 100,67% so với dự toán.

Chi tiết ước thực hiện các khoản chi như sau:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: Dự toán giao 440.101 triệu đồng, ước thực hiện 448.420 triệu đồng, đạt 101,9% so với dự toán.

1.1 Chi đầu tư phát triển: Dự toán giao 1.000 triệu đồng, ước thực hiện 1.200 triệu đồng, đạt 120% so với dự toán. Tăng chi do chi đầu tư phát triển từ nguồn thu đầu giá đất ước thực hiện tăng 200 triệu đồng.

1.2 Chi thường xuyên: Dự toán giao 425.570 triệu đồng, ước thực hiện 441.961 triệu đồng, đạt 103,9% so với dự toán.

*** Chi sự nghiệp kinh tế:** Dự toán giao 34.656 triệu đồng, ước thực hiện 47.628 triệu đồng, đạt 137,4% so với dự toán. Tăng chi do trong năm phát sinh một số nhiệm vụ: Kinh phí chi khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông sau mưa lũ từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung cho địa phương và chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện.

Trong đó:

- Sự nghiệp nông nghiệp: Dự toán giao 9.366 triệu đồng, ước thực hiện 9.366 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Sự nghiệp giao thông: Dự toán giao 6.000 triệu đồng, ước thực hiện 17.472 triệu đồng, đạt 291,2% so với dự toán. Tăng do chi đảm bảo giao thông, khắc phục hậu quả sau mùa mưa lũ năm 2018.

- Sự nghiệp thủy lợi: Dự toán giao 1.140 triệu đồng, ước thực hiện 2.640 triệu đồng, đạt 231,6% so với dự toán. Tăng chi do chi sửa chữa các công trình thủy lợi sau mùa mưa lũ năm 2018.

- Sự nghiệp kinh tế khác: Dự toán giao 18.150 triệu đồng, ước thực hiện 18.150 triệu đồng đạt 100% so với dự toán.

* **Chi sự nghiệp Giáo dục:** Dự toán giao 269.430 triệu đồng, ước thực hiện 271.842 triệu đồng, đạt 100,9% so với dự toán. Chi sự nghiệp giáo dục tăng do chi hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách trên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí tinh giản biên chế.

* **Chi sự nghiệp Đào tạo - Dạy nghề:** Dự toán giao 3.030 triệu đồng, ước thực hiện 3.030 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

* **Chi sự nghiệp Y tế:** Dự toán giao 200 triệu đồng, ước thực hiện 200 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

* **Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin:** Dự toán giao 3.369 triệu đồng, ước thực hiện 3.369 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

* **Chi sự nghiệp TDTT:** Dự toán giao 1.300 triệu đồng, ước thực hiện 1.400 triệu đồng, đạt 107,7% so với dự toán. Tăng chi do trong năm phát sinh chi một số nhiệm vụ: Tổ chức giải bóng chuyền đoàn kết Công - Nông - Binh huyện Nậm Pồ lần thứ IV, năm 2018; Tổ chức luyện tập, thi đấu Giải bóng chuyền đoàn kết Công - Nông - Binh tỉnh Điện Biên lần thứ 35, năm 2018...

* **Chi sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình:** Dự toán giao 1.572 triệu đồng, ước thực hiện 1.572 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

* **Chi đảm bảo xã hội:** Dự toán giao 10.864 triệu đồng, ước thực hiện 11.330 triệu đồng, đạt 104,3% so với dự toán, tăng do phát sinh nhiệm vụ chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách năm 2016; chi KP thực hiện QĐ 18 (người có uy tín); chi khắc phục hậu quả thiên tai,...

* **Chi quản lý hành chính:** Dự toán giao 82.072 triệu đồng, ước thực hiện 88.528 triệu đồng, đạt 107,9% so với dự toán, Trong năm chi quản lý hành chính phát sinh tăng so với dự toán đầu năm một số nhiệm vụ: Điều chỉnh tiền lương tối thiểu, nâng bậc lương thường xuyên; và chi một số nhiệm vụ đột xuất phát sinh khác.

* **Chi an ninh - quốc phòng:** Dự toán giao 12.212 triệu đồng, ước thực hiện 12.212 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán. Trong đó:

- Chi an ninh: Dự toán giao 4.852 triệu đồng, Ước thực hiện 4.852 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

- Chi quốc phòng: Dự toán giao 7.360 triệu đồng, ước thực hiện 7.360 triệu đồng đạt 100% dự toán giao.

* **Chi sự nghiệp môi trường:** Dự toán giao 700 triệu, ước thực hiện 700 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

* **Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:** Dự toán giao 150 triệu, ước thực hiện 150 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

* **Chi khác:** Dự toán giao 6.015 triệu.

1.3 Chi cải cách tiền lương: Dự toán giao 5.259 triệu, ước thực hiện 5.259 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

Ghi chú: Chi dự phòng ngân sách: Dự toán giao 8.272 triệu đồng, ước thực hiện 8.272 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao. Các khoản chi như sau:

- Chi khắc phục hậu quả thiên tai năm 2018	300	Triệu đồng
- Dự phòng ngân sách cấp xã	1.500	Triệu đồng
- Khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông sau mùa mưa lũ năm 2018	6.472	Triệu đồng

2. Chi chương trình MTQG: Dự toán giao 92.055 triệu đồng, Ước thực hiện: 86.470 triệu đồng. Đạt 93,9% dự toán giao.

Trong đó:

2.1 Chương trình giảm nghèo bền vững: Dự toán giao 56.604 triệu đồng, ước thực hiện 53.122 triệu đồng. Đạt 93,8% dự toán giao. Trong đó:

* **Chương trình 30a:** Dự toán giao 37.112 triệu đồng, Ước thực hiện: 33.630 triệu đồng. Đạt 93,8% dự toán giao. Dự toán chi không đạt do tình điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư số tiền 1.922 triệu đồng và nguồn kinh phí chi Chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng 1.560 triệu đồng không thực hiện được.

Trong đó:

- Vốn đầu tư: Kế hoạch giao 23.120 triệu đồng, Ước thực hiện: 21.198 triệu đồng. Đạt 91,7% kế hoạch giao.

- Vốn sự nghiệp: Dự toán giao 13.992 triệu đồng, Ước thực hiện: 12.432 triệu đồng. Đạt 88,9% dự toán giao.

+ *Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư: Dự toán giao 1.457 triệu đồng, Ước thực hiện: 1.457 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

+ *Chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng: Dự toán giao 1.560 triệu đồng.*

+ *Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo: Dự toán giao 9.875 triệu đồng, Ước thực hiện: 9.875 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

+ *Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Dự toán giao 500 triệu đồng, Ước thực hiện 500 triệu đồng. Đạt 100% dự toán*

+ *Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Dự toán giao 600 triệu đồng, Ước thực hiện 600 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

* **Chương trình MTQG 135:** Dự toán giao 19.357 triệu đồng, Ước thực hiện: 19.357 triệu đồng. Đạt 100% dự toán giao.

- Vốn đầu tư: Kế hoạch giao 14.742 triệu đồng, Ước thực hiện: 14.742 triệu đồng. Đạt 100% kế hoạch giao.

- Vốn sự nghiệp: Dự toán giao 4.615 triệu đồng, Ước thực hiện: 4.615 triệu đồng. Đạt 100% dự toán giao.

+ *Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư: Dự toán giao 929 triệu đồng, Ước thực hiện: 929 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

+ *Hỗ trợ PTSX đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Dự toán giao 3.686 triệu đồng, Ước thực hiện: 3.686 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

* **Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:** Dự toán giao 60 triệu đồng, Ước thực hiện: 60 triệu đồng. Đạt 100% dự toán giao.

* **Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:** Dự toán giao 75 triệu đồng, Ước thực hiện: 75 triệu đồng. Đạt 100% dự toán giao.

2.2 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Dự toán giao 35.451 triệu đồng, Ước thực hiện: 33.348 triệu đồng. Đạt 94,1% dự toán giao.

- **Vốn đầu tư:** Kế hoạch giao 21.300 triệu đồng, Ước thực hiện: 21.300 triệu đồng. Đạt 100% kế hoạch giao.

- **Vốn sự nghiệp:** Kế hoạch giao 14.151 triệu đồng, Ước thực hiện: 12.048 triệu đồng. Đạt 85,1% kế hoạch giao (*dự toán chi không đạt kế hoạch do 03 xã Nậm Khăn, Chà Tở, Nậm Tin không triển khai thực hiện được; đào tạo nghề lao động nông thôn đạt thấp*).

+ *Hỗ trợ trực tiếp cho các xã: Dự toán giao 11.462 triệu đồng, Ước thực hiện: 10.718 triệu đồng. Đạt 93,5% dự toán*

Tr.đo: Đề án 29 xã: Ước thực hiện: 5.135 triệu đồng.

+ *Ưu tiên phân bổ cho xã đạt chuẩn NTM: Dự toán giao 500 triệu đồng, Ước thực hiện 500 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

+ *Chi phí Ban quản lý dự án: Dự toán giao 230 triệu đồng, Ước thực hiện 230 triệu đồng. Đạt 100% dự toán.*

+ *Đào tạo nghề lao động nông thôn: Dự toán giao 1.959 triệu đồng, Ước thực hiện 600 triệu đồng. Đạt 30,6% dự toán.*

3. Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác: Dự toán giao 545 triệu đồng, Ước thực hiện 1.380 triệu đồng. Đạt 253,2% dự toán giao. Tăng chi do được tỉnh bổ sung Kế hoạch vốn Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, chi thực hiện chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy. Trong đó:

* **Vốn đầu tư:** Ước thực hiện 600 triệu đồng.

- **Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở:** Ước thực hiện 600 triệu đồng.

* **Vốn sự nghiệp:** Dự toán giao 545 triệu đồng, ước thực hiện 780 triệu đồng.

- **Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy:** Dự toán giao 156 triệu đồng, Ước thực hiện 391 triệu đồng.

- **Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông:** Dự toán giao 30 triệu đồng, Ước thực hiện 30 triệu đồng.

- **CT mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư:** Dự toán giao 300 triệu đồng, Ước thực hiện 300 triệu đồng.

- **Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội:** Dự toán giao 39 triệu đồng, Ước thực hiện 39 triệu đồng.

- **Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động:** Dự toán giao 20 triệu đồng, Ước thực hiện 20 triệu đồng.

II. Đánh giá tình hình về nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018.

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 106,8% dự toán HĐND giao, hầu hết các chỉ tiêu thu ước thực hiện đều đạt và vượt dự toán HĐND giao như: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh (tăng 6,9%); Lệ phí trước bạ (Tăng 10%); Thu tiền sử dụng đất (tăng 20%).

Đạt được kết quả trên là do ngay từ đầu năm, căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2018; sự chỉ đạo quyết liệt của Thường trực Huyện ủy, HĐND - UBND huyện và sự phối kết hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, nhất là của các cơ quan thực hiện nhiệm vụ thu như: Chi cục thuế, Kho bạc nhà nước huyện quyết tâm phấn đấu cùng các cơ quan, ban ngành của huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2018.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

Thực hiện Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định về quản lý và điều hành ngân sách địa phương năm 2018; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh về việc tăng cường triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2018; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 09/7/2018 về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2018. Trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị, UBND các xã chủ động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách được giao, tập trung chỉ đạo điều hành ngân sách năm 2018 theo Nghị quyết được HĐND huyện quyết định.

Các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đạt và vượt dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện. Thực hiện chi ngân sách đúng quy định của pháp luật, đảm bảo vừa phù hợp với khả năng thu ngân sách huyện vừa đáp ứng các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ quan ban ngành và xử lý kịp thời các nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội. Đảm bảo đủ kinh phí cho hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể. Đồng thời quản lý chặt chẽ nguồn cải cách tiền lương theo quy định và chi trả kịp thời các chính sách chế độ, chính sách mới.

Trong quản lý vốn đầu tư công đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn giai đoạn 2016-2020; Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư, quản lý chất lượng thi công các công trình.

Chi ngân sách địa phương năm 2018 ước thực hiện 536.270 triệu đồng, đạt 100,67% so với dự toán. Nguyên nhân tăng chủ yếu do chi từ nguồn tỉnh bổ sung trong năm để thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương quy định như: Bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; kinh phí thực hiện Nghị định số 86/NĐ-CP; kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế... Chi ngân sách năm 2018 cơ bản đáp ứng yêu cầu

thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai sau mùa mưa lũ.

3. Một số tồn tại, hạn chế

- Tình hình thu thuế nợ đọng của các Doanh nghiệp trên địa bàn khó có khả năng thu hồi, do các Doanh nghiệp trên đang tạm dừng hoạt động.

- Một số dự án đầu tư công thực hiện chậm tiến độ do vướng công tác giải phóng mặt bằng thi công và một số dự án vướng trình tự thủ tục đầu tư xây dựng.

- Tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân các nguồn vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình Nông thôn mới, Chương trình 30a, chương trình 135 còn chậm. Do các xã còn lúng túng trong quá trình lựa chọn các chính sách hỗ trợ cho người dân, đến nay các dự án đang trong quá trình làm thủ tục để thanh quyết toán.

- Công tác tham mưu của kế toán ở một số đơn vị, địa phương trong quản lý, sử dụng ngân sách còn nhiều hạn chế, chưa kịp thời nắm bắt các quy định mới về chế độ tài chính ngân sách. Công tác quản lý tài chính ngân sách xã còn lỏng lẻo, chưa có sự chuyển biến rõ nét.

III. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành.

Chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt quyết toán theo đúng quy định. Đã tiếp nhận tổng cộng 39 dự án trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện phê duyệt 34 dự án với mức đầu tư là 70.061.000.000 đồng; tổng kinh phí được quyết toán là 68.568.535.994 đồng, thu hồi nộp ngân sách 55.382.342 đồng. Còn lại 05 dự án với tổng mức đầu tư là 21.442.000.000 đồng, đang trong quá trình hoàn thiện và bổ sung hồ sơ để phê duyệt theo đúng quy định.

IV. Công tác quản lý và sử dụng tài sản.

Thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật quản lý sử dụng tài sản công (Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017); Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị. Các đơn vị quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn huyện đã cơ bản thực hiện đúng quy định về mua sắm trang bị tài sản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, định mức và chế độ theo quy định. Các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đã triển khai thực hiện đăng ký, báo cáo công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị.

Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chưa chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Việc thực hiện hạch toán tài sản nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

PHẦN THỨ HAI
DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN
THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

I. Về thu ngân sách:

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn năm 2017-2021. Trong điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện có nhiều khó khăn thu ngân sách địa phương sẽ gặp nhiều khó khăn cả về thu trên địa bàn và thu bổ sung từ ngân sách cấp trên. Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017 và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tại địa phương; sau khi tổng hợp dự toán của các đơn vị, các xã. Ủy ban nhân dân huyện trình HĐND huyện phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2019 như sau:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 là 594.251 triệu đồng:

1. Thu ngân sách trên địa bàn: 6.500 triệu đồng *(Chi tiết như biểu 01 kèm theo)*

Trong đó: Thu ngân sách huyện hưởng 6.450 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 587.501 triệu đồng.

II. Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương là **594.251 triệu đồng**
(Chi tiết như biểu 02, 03 kèm theo).

1. Chi đầu tư phát triển: 900 triệu đồng.

- Chi từ nguồn thu đầu giá đất: 900 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 454.307 triệu đồng.

2.1. Sự nghiệp kinh tế: 30.375 triệu đồng, trong đó:

- Sự nghiệp nông nghiệp	9.299	triệu đồng
- Sự nghiệp giao thông	5.000	triệu đồng
- Sự nghiệp thủy lợi	321	triệu đồng
- Sự nghiệp kinh tế khác	15.755	triệu đồng

2.2. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 297.745 triệu đồng.

- Sự nghiệp giáo dục	294.715	triệu đồng
- Sự nghiệp đào tạo	3.030	triệu đồng

2.3. Sự nghiệp y tế: 200 triệu đồng.

2.4. Sự nghiệp văn hóa thông tin: 3.369 triệu đồng.

2.5. Sự nghiệp thể dục thể thao: 1.400 triệu đồng.

2.6. Sự nghiệp phát thanh - Truyền hình: 2.170 triệu đồng

2.7. Chi đảm bảo xã hội: 8.764 triệu đồng.

2.8. Chi quản lý hành chính: 87.565 triệu đồng (Chi tiết như biểu 04 kèm theo)

2.9. Quốc phòng - An ninh: 15.468 triệu đồng.

- An ninh	4.389	triệu đồng
- Quốc phòng	11.079	triệu đồng

2.10. Chi sự nghiệp môi trường: 700 triệu đồng

2.11. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 193 triệu.

2.12. Chi khác: 6.358 triệu đồng

3. Chi cải cách tiền lương: 5.259 triệu đồng.

- Sự nghiệp giáo dục	3.799	triệu đồng
- Sự nghiệp đào tạo	15	triệu đồng
- Khối QLHC, các cơ quan đơn vị, các xã	1.445	triệu đồng

4. Tiết kiệm thêm 10% để thực hiện CCTL: 520 triệu đồng.

- Sự nghiệp giáo dục	350	triệu đồng
- Khối QLHC, các cơ quan đơn vị, các xã	170	triệu đồng

5. Chi dự phòng ngân sách: 8.668 triệu đồng

6. Chi chương trình MTQG: 123.938 triệu đồng.

6.1. Chi chương trình giảm nghèo bền vững: 79.443 triệu đồng.

- Chương trình 30a: 61.493 triệu đồng.

- Chương trình 135: 17.755 triệu đồng.

- Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 90 triệu đồng.

- Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện: 105 triệu đồng.

6.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 44.495 triệu đồng.

7. Chi thực hiện mục tiêu nhiệm vụ khác: 659 triệu đồng.

- Chương trình đảm bảo ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy: 139 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự ATGT: 26 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: 400 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội: 74 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động: 20 triệu đồng.

PHẦN THỨ BA
CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019

1. Về thu ngân sách

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, chủ động đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn để chỉ đạo kịp thời và tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản thu phát sinh, đồng thời có dự báo sát với thực tế về khả năng thu ngân sách hàng tháng, hàng quý để điều hành ngân sách đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối các nguồn thu.

Chi cục Thuế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã rà soát các nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn, không để sót nguồn thu, chống thất thu ngân sách, chống gian lận thương mại; xây dựng kế hoạch tăng cường kiểm tra, thanh tra, thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế. Định kỳ công khai số thuế nợ đọng của từng doanh nghiệp.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quy chủ đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo quỹ đất hợp lý để đấu giá tăng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tăng cường các khoản thu xử phạt, kịp thời bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đôn đốc các xã chủ động và nâng cao trách nhiệm trong lĩnh vực thu ngân sách, quản lý thu tốt có hiệu quả, để đáp ứng chi thường xuyên.

2. Về tổ chức điều hành nhiệm vụ chi ngân sách

2.1. Nhiệm vụ chi đầu tư:

Thực hiện Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm trong quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, chỉ thực hiện chi đầu tư theo kế hoạch vốn được giao, danh mục đầu tư được duyệt và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu chỉ đạo điều hành, quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển, theo dõi sát tiến độ triển khai các dự án để điều chỉnh kịp thời, đúng quy định; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và phối kết hợp với chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn hoàn tất các thủ tục giải ngân.

Kiểm soát chặt chẽ việc lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; tăng cường kiểm tra thực tế hiện trường khi tiến hành thẩm định chủ trương đầu tư các dự án đảm bảo qui mô phù hợp với thực tế, kiên quyết cắt giảm qui mô, hạng mục và các chi phí không cần thiết và không bắt buộc, yêu cầu làm rõ các địa điểm cung cấp vật liệu chủ yếu theo thông báo giá để tiết kiệm nguồn vốn đầu tư.

Tăng cường công tác tuyên truyền sâu, rộng trong nhân dân, phối kết hợp với chính quyền cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trên địa bàn huyện.

2.2. Nhiệm vụ chi thường xuyên:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của tỉnh, các cơ quan đơn vị và UBND các xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách, trên tinh thần tiết kiệm các khoản chi thường xuyên. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn thực sự cần thiết.

Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách theo đúng quy định, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm đúng tiêu chuẩn định mức. Các đơn vị dự toán, các xã sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, chủ động nguồn kinh phí đáp ứng kịp thời các khoản chi trong dự toán và các nhiệm vụ phát sinh, tăng cường rà soát các đối tượng bảo trợ xã hội bảo đảm đúng đối tượng và kịp thời.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công tác tài chính - ngân sách, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã; tăng cường công tác tự kiểm tra, nâng cao trách nhiệm của các đơn vị sử dụng ngân sách, Chủ tài khoản trong mua sắm tài sản; quản lý ngân sách, sử dụng tài sản công. Công khai kết quả kiểm tra, thanh tra và kết quả xử lý từng đơn vị dự toán và các xã.

Thực hiện tốt Luật quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Đẩy mạnh công tác giám sát chất lượng công tác thẩm định giá trong mua sắm tài sản công.

Tăng cường năng lực thẩm định, phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành. Đảm bảo đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán các nguồn vốn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, hạn chế tình trạng chuyển nguồn và kết dư ngân sách.

Thực hiện tốt việc công khai dự toán 2019 và quyết toán thu, chi ngân sách năm 2018 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của nhà nước đã ban hành.

Các phòng, ban chuyên môn và các xã tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên và quy định của Luật ngân sách hiện hành.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi Ngân sách địa phương năm 2018, dự toán và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 huyện Nậm Pồ./. *Tho*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu VT, TCKH.

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thái

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ghi chú
	Tổng thu NSNN trên địa bàn (Theo phân cấp của tỉnh)	6.500	
*	<i>Thu ngân sách huyện hưởng</i>	<i>6.450</i>	
1	Khu vực CTN và dịch vụ NQD	3.400	
-	Thuế tài nguyên	200	
-	Thuế GTGT	3.200	
2	Thuế thu nhập cá nhân	600	
3	Lệ phí trước bạ	1.000	
4	Phí - lệ phí tính cân đối ngân sách	300	
	<i>Tr. Đó: - Thu ngân sách xã</i>	<i>163</i>	
	<i>- Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản</i>	<i>100</i>	
5	Thu tiền sử dụng đất	1.000	
-	Thu đấu giá đất	1.000	
6	Thu khác NS	100	
-	Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATGT	50	
+	<i>Trung ương hưởng</i>	<i>50</i>	
-	Thu khác cân đối	50	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	100	



BIỂU TỔNG HỢP THU CHI NSDP NĂM 2018 - 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2018	Ước thực hiện 2018	Dự toán 2019	So sánh UTH/Dự toán (%)
A	TỔNG THU NS HUYỆN	532.701	539.933	594.251	101,4
I	Thu ngân sách trên địa bàn	6.000	6.410	6.500	106,8
*	<i>Thu ngân sách huyện hưởng</i>	<i>5.950</i>	<i>6.350</i>	<i>6.450</i>	<i>106,7</i>
II	Thu bổ sung	526.751	533.583	587.801	101,3
1	Bổ sung cân đối	423.470	423.470	435.540	100,0
2	Bổ sung để thực hiện CCTL theo quy định hiện hành	10.681	10.681	27.664	100,0
-	BS để thực hiện tiền lương cơ sở tăng thêm 1.390.000 đồng			27.664	
3	Bổ sung có mục tiêu	92.600	99.432	124.597	107,4
	- BS thực hiện 02 chương trình MTQG	92.055	90.133	123.938	97,9
	- BS thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ khác	545	9.299	659	1.706,2
B	TỔNG CHI NS HUYỆN	532.701	536.270	594.251	100,67
B1	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	440.101	448.420	469.654	101,9
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1.000	1.200	900	120,0
1	Chi XDCB tập trung				
	T.đó: + Chi CT PTKTXHVC				
2	Chi từ nguồn đầu giá đất	1.000	1.200	900	120,0
3	ĐT từ nguồn vay KCH kênh mương				
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	425.570	441.961	454.307	103,9
1	Chi sự nghiệp kinh tế	34.656	47.628	30.375	137,4
*	SN Nông nghiệp	9.366	9.366	9.299	100,0
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Chi HT SXNN	800	800	800	100,0
	+ HT cán bộ thú y xã	607	607	710	100,0
	+ HT khuyến nông xã, thôn, bản	1.463	1.463	1.533	100,0
	+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện đón và trao trả dân di cư tự do trên địa bàn huyện Nậm Pồ			100	
	+ Các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư			1.530	
	+ Chi hỗ trợ địa phương đất trồng lúa theo ND 35	4.629	4.629	4.626	
*	SN giao thông	6.000	17.472	5.000	291,2
*	SN Thủy lợi	1.140	2.640	321	231,6
	<i>Tr.đó: Miễn thủy lợi phí</i>	<i>1.140</i>	<i>1.140</i>	<i>321</i>	<i>100,0</i>
*	SN kinh tế khác	18.150	18.150	15.755	100,0
	<i>Tr.đó: - Vp đăng ký quyền sử dụng đất</i>	<i>610</i>	<i>610</i>	<i>727</i>	
	- Tổ chức phát triển quỹ đất	420	420	528	
	- Lập KH SDD năm 2017	522			
	- Tru sớ BQLDA	760			
	- Giao các xã đầu năm	1.136			
-	Quy hoạch, quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất			100	
-	Các hoạt động kinh tế			14.400	
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	272.460	274.872	297.745	100,9
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	269.430	271.842	294.715	100,9
	<i>Trong đó:</i>				
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi	5.130	5.130	6.077	
-	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	34.120	34.120	39.765	
-	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo ND 86/2015/NĐ-CP	10.658	10.658	12.234	

TT	Nội dung	Dự toán 2018	Ước thực hiện 2018	Dự toán 2019	So sánh UTH/Dự toán (%)
	+ Hỗ trợ chi phí học tập	9.362	9.362	10.873	
	+ Cấp bù miễn giảm học phí	1.296	1.296	1.361	
-	Hỗ trợ HSDT rất ít người QĐ 2123	770	770	626	
-	Chính sách giáo dục với người khuyết tật	881	881	921	
-	Mua sắm tài sản các trường	15.000	15.000	15.000	
-	Sửa chữa trường học	6.000	6.000	3.000	
-	Quỹ thi đua khen thưởng	1.200	1.200	1.200	
2.2	Chi sự nghiệp đào tạo	3.030	3.030	3.030	100,0
	- Hỗ trợ TH chính sách theo ND 85/2015		135		
3	Chi sự nghiệp y tế	200	200	200	100,0
4	Chi sự nghiệp Văn hoá TT	3.369	3.369	3.369	100,0
	- SNVH - phòng văn hóa	1.759		1.727	
	- Giao đầu năm các xã	1.110		1.110	
	- Thực hiện nhiệm vụ khác	500		532	
5	Chi sự nghiệp TĐTT	1.300	1.400	1.400	107,7
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	1.572	1.572	2.170	100,0
	- Giao đầu năm Đài TTTH			1.734	
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Lắp đặt thiết bị Đài truyền thanh FM tại xã Pa Tân; Tăng hệ số lương; ...)			436	
7	Chi đảm bảo xã hội	10.864	11.330	8.764	104,3
-	KP tăng thực hiện Luật NCT, Luật NKT và chính sách đối với đối tượng BTXH	3.992	3.992	4.234	100,0
	+ Trợ cấp hàng tháng	3.639	3.639	3.914	
	+ Mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ	353	353	320	
-	Kinh phí thực hiện QĐ 18 (Người có uy tín)	52	92	66	176,9
-	Hỗ trợ hộ nghèo tiền điện	3.982	4.108	3.964	103,2
-	Hỗ trợ người nghèo vùng khó khăn theo QĐ 102	2.647	2.647		100,0
-	Hỗ trợ đột xuất	191	191	500	100,0
8	Chi quản lý hành chính	82.072	88.528	87.565	107,9
9	Chi an ninh, quốc phòng	12.212	12.212	15.468	100,0
*	An ninh	4.852	4.852	4.389	100,0
	- Công an huyện	700	700	800	100,0
	- Tòa án nhân dân huyện			40	
	- Hỗ trợ Công an huyện mua sắm, lắp đặt Thang máy tải trọng 450 kg, 05 điểm dừng tại hạng mục công trình Nhà làm việc 05 tầng tại cơ sở làm việc Công an huyện Nậm Pồ	1.100	1.100		
	- An ninh xã	2.859	2.859	2.980	100,0
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Diễn tập khu vực phòng thủ; Công tác an ninh trật tự khác,...)	193	193	569	100,0
*	Quốc phòng	7.360	7.360	11.079	100,0
	- Ban chỉ huy quân sự huyện	1.200		1.878	0,0
	- Hỗ trợ 05 đồn biên phòng	100		200	
	- Hỗ trợ đồn biên phòng Nà Hỳ - Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 - 03/3/2019) và 30 năm Ngày biên phòng toàn dân (03/3/1989 - 03/3/2019)			70	
	- Diễn tập KVPT năm 2019			2.000	
	- Quân sự xã	1.281		1.389	0,0
	- Phụ cấp DQTV xã	2.133		2.402	0,0
	- Huấn luyện DQTV xã	1.120		1.314	0,0

TT	Nội dung	Dự toán 2018	Ước thực hiện 2018	Dự toán 2019	So sánh UTH/Dự toán (%)
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Bổ sung tăng kinh phí Diễn tập khu vực phòng thủ; Công tác quốc phòng khác,...)	1.206		1.826	0,0
10	Chi sự nghiệp môi trường	700	700	700	100,0
11	Chi SN khoa học công nghệ	150	150	193	
12	Chi khác	6.015		6.358	0,0
III	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	5.259	5.259	5.259	100,0
1	Sự nghiệp giáo dục	3.799		3.799	
2	Sự nghiệp đào tạo	15		15	
3	Khối QLHC, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã	1.445		1.445	
IV	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL			520	
1	Sự nghiệp giáo dục			350	
2	Khối QLHC, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã			170	
V	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	8.272		8.668	0,0
B2	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	92.055	86.470	123.938	93,9
I	Chương trình giảm nghèo bền vững	56.604	53.122	79.443	93,8
1	Chương trình 30a	37.112	33.630	61.493	90,6
*	Vốn đầu tư	23.120	21.198	50.050	91,7
	+ Đầu tư cơ sở hạ tầng	20.120	18.198		90,4
	+ Hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập	3.000	3.000		100,0
*	Vốn sự nghiệp	13.992	12.432	11.443	88,9
-	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư	1.457	1.457	1.969	100,0
-	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo	11.935	10.375	9.004	86,9
+	Chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng	1.560			0,0
+	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	9.875	9.875	7.203	100,0
+	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	500	500	1.801	100,0
-	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	600	600	470	100,0
2	Chương trình 135	19.357	19.357	17.755	100,0
*	Vốn đầu tư	14.742	14.742	13.279	100,0
-	XD CSHT các xã ĐBKK, xã biên giới, thôn ĐBKK	14.742	14.742	13.279	100,0
*	Vốn sự nghiệp	4.615	4.615	4.476	100,0
-	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư	929	929	953	100,0
-	Hỗ trợ PTSX đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	3.686	3.686	3.523	100,0
+	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	3.563	3.563	2.653	100,0
+	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	123	123	870	100,0
3	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở				
4	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	60	60	90	100,0
-	Truyền thông về giảm nghèo	22,5	23	30,0	100,0
-	Giảm nghèo về thông tin	37,5	38	60,0	100,0
5	Nâng cao năng lực và GS, đánh giá thực hiện Chương trình	75	75	105	100,0
-	Giám sát đánh giá	75	75	105	100,0
II	CT xây dựng nông thôn mới	35.451	33.348	44.495	94,1
1	Vốn đầu tư	21.300	21.300	36.184	100,0
2	Vốn sự nghiệp	14.151	12.048	8.311	85,1
-	Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	11.462	10.718	7.987	93,5
	Trong đó: Đề án 29 xã biên giới	5.135	5.135		100,0
-	Ưu tiên phân bổ cho xã phấn đấu đạt chuẩn NTM	500	500		100,0
-	Chi phí Ban quản lý dự án, Ban chỉ đạo	230	230	324	100,0
-	Đào tạo nghề lao động nông thôn	1.959	600		30,6

TT	Nội dung	Dự toán 2018	Ước thực hiện 2018	Dự toán 2019	So sánh UTH/Dự toán (%)
	<i>Trong đó: Đề án 29 xã biên giới</i>	1.027			0,0
B3	CHI TH MỘT SỐ MT, NH.VỤ VÀ CÁC CTMT	545	1.380	659,0	253,2
I	Vốn đầu tư		600,0		
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở		600,0		
II	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số Chương trình mục tiêu	545,0	780,0	659,0	143,1
1	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	156,0	391,0	139,0	250,6
-	Phòng chống Ma túy	136,0	331,0	119,0	243,4
-	Phòng chống Tội phạm	20,0	60,0	20,0	300,0
2	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông	30,0	30,0	26,0	100,0
3	CT mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	300,0	300,0	400,0	100,0
-	Hỗ trợ di chuyển, sắp xếp ổn định dân cư xen ghép vùng có nguy cơ thiên tai cao trên địa bàn huyện	300,0	300,0		100,0
-	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Quyết định 1776			400,0	
4	Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội	39,0	39,0	74,0	100,0
-	Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em	39,0	39,0	64,0	100,0
-	Dự án hỗ trợ mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới			10,0	
5	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động	20,0	20,0	20,0	100,0
-	Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm	20,0	20,0	20,0	100,0

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
	Tổng cộng	418.460,0	
1	Văn phòng HĐND - UBND	7.544	
*	Quản lý hành chính	7.264	
-	Quản lý nhà nước	3.648	
-	Chi đặc thù UBND	900	
-	Kinh phí HĐND (Đã bao gồm: Kinh phí đặc thù, tham quan trao đổi học tập kinh nghiệm)	1.650	
-	Kinh phí Hội chữ thập đỏ	100	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Kinh phí phục vụ công tác tiếp công dân	30	
-	Hỗ trợ công tác dân quân tự vệ khối HĐND - UBND huyện	20	
-	Xây dựng hệ thống Quản lý văn bản, hồ sơ công việc cho 15 xã của huyện, có thể liên thông được tới cấp huyện, cấp tỉnh	800	
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	111,3	
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	15	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	80	
*	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin	200	
-	Kinh phí duy trì hoạt động cổng, trang thông tin điện tử huyện Nậm Pồ; Tuyên truyền trên báo đài	200	
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.761	
*	Quản lý hành chính	1.236	
-	QLNN	1.211	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	25	
*	Sự nghiệp nông nghiệp	100	
-	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đón và trao trả dân di cư tự do trên địa bàn huyện Nậm Pồ	100	
*	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu	400	
-	CT mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư - Hỗ trợ ổn định đời sống theo Quyết định 1776	400	
3	Phòng Tư pháp	740	
*	Quản lý hành chính	735	
-	QLNN	550	
-	Kp của hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật cấp huyện	150	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính	30	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.575	
*	Quản lý hành chính	1.550	
-	QLNN	1.113	
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	47	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Phần mềm quyết toán 8.0	250	
-	Bức tường lửa hệ thống mạng nội bộ tabmis	100	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	35	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	25	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1.210	
*	Quản lý hành chính	1.023	
-	Quản lý nhà nước	848	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
-	KP ban an toàn giao thông	150	
*	Kp tiết kiệm thực hiện CCTL	20	
*	Sự nghiệp khoa học công nghệ	167	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	298.658	
*	Quản lý hành chính	1.454	
-	QLNN	1.429	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	20	
*	Sự nghiệp giáo dục	297.184	
	Tr.đó:		
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi	6.077	
-	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thông đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	39.765	
-	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	12.104	
	+ Hỗ trợ chi phí học tập	10.873	
	+ Cấp bù miễn giảm học phí	1.231	
-	Hỗ trợ HSDT rất ít người QĐ 2123	626	
-	Chính sách giáo dục với người khuyết tật	921	
-	Gia hạn phần mềm quản lý CBCC	222	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	111	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	74	
-	Mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy và học	15.000	
-	Sửa chữa trường học	3.000	
-	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	3.799	
7	Phòng Y tế	885	
*	Quản lý hành chính	875	
-	QLNN	543	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
-	Kinh phí khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ công an, quân sự năm 2020 (Dự kiến)	180	
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	67,2	
-	Hỗ trợ công tác tuyên truyền (Dự kiến)	60	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	10	
8	Phòng Lao động thương binh và xã hội	6.048	
*	Quản lý hành chính	1.160	
-	QLNN	935	
-	Kinh phí tổ chức rà soát, tổng hợp hộ nghèo hộ cận nghèo (Dự kiến)	80	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
-	Hội người cao tuổi	120	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	30	
*	Kinh phí đảm bảo xã hội	4.634	
-	Kinh phí thực hiện chính sách BTXH theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	4.234	
+	Trợ cấp hàng tháng	3.914	
+	Mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội	320	
-	Kinh phí hỗ trợ đột xuất	400	
*	Sự nghiệp giáo dục	130	
-	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo ND 86/2015/ND-CP		
	+ Cấp bù miễn giảm học phí	130	
*	Chỉ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu	94	
-	Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội	74	
	+ Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em	64	
	+ Dự án hỗ trợ mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới	10	
-	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động	20	
	+ Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm	20	
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	2.833	
*	Quản lý hành chính	518	
-	QLNN	488	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
-	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
*	Sự nghiệp văn hóa	1.762	
	Trong đó:		
	- Lương và chế độ theo lương	727	
	- Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	20	
	- Mua sắm tài sản tập trung	15	
*	Sự nghiệp thể thao	553	
	Trong đó:		
	- Lương và chế độ theo lương	248	
	- Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
10	Phòng Tài nguyên - Môi trường	1.642,0	
*	Quản lý hành chính	862	
-	Quản lý nhà nước	857	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
*	Kp tiết kiệm thực hiện CCTL	30	
*	Sự nghiệp môi trường (Đã bao gồm Thu gom rác thải)	650	
*	Sự nghiệp kinh tế khác	100,0	
-	Quy hoạch, quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất	100,0	
11	Phòng Nội vụ	2.840	
*	Quản lý hành chính	1.610	
-	Quản lý nhà nước	1.299	
-	Gia hạn phần mềm quản lý CBCC	6	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Kinh phí thi đua khen thưởng cấp huyện	300	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	30	
*	Sự nghiệp giáo dục	1.200	
-	Kinh phí thi đua khen thưởng	1.200	
12	Thanh tra huyện	812	
*	Quản lý hành chính	807	
-	Quản lý nhà nước	762	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	KP mua trang phục thanh tra	40	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
13	Phòng Dân tộc	779	
*	Quản lý hành chính	703	
-	QLNN	518	
-	Đại hội Dân tộc thiểu số (Dự kiến)	180	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	10	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
*	Đảm bảo xã hội	66	
-	Kinh phí thực hiện QĐ 18 (Người có uy tín)	66	
14	Công an huyện	846	
*	Chi an ninh	800	
-	Hỗ trợ chi an ninh trật tự	800	
*	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu	46	
-	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	20	
+	Phòng chống Tội phạm	20	
-	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông	26	
15	Ban chỉ huy quân sự huyện	3.878	
-	Hỗ trợ chi quốc phòng	1.200	
-	Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Nậm Pồ (Dự kiến)	2.000	
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	678	
	Tr. Đó: Mua sắm tập trung	438	
16	Văn phòng huyện ủy	6.159	
*	Quản lý hành chính	5.979	
-	Quản lý nhà nước	4.744	
-	Chi đặc thù	800	
-	Phụ cấp báo cáo viên, ban chấp hành	69	
-	Phụ cấp ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe	41	
-	Ban chỉ đạo 160	200	
-	Hỗ trợ công tác dân quân tự vệ khối Huyện ủy	20	
-	Mua sắm tài sản tập trung	105	
*	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	80	
*	Sự nghiệp y tế (Kinh phí khám sức khỏe)	100	
17	Khối đoàn thể	4.040	
*	Ủy ban mặt trận tổ quốc	1.464	
-	Quản lý hành chính	1.439	
	+ Quản lý nhà nước	1.134	
	+ Đại hội MTTQ huyện Nậm Pồ năm 2019 (Dự kiến)	200	
	+ Bảo trì phần mềm kế toán	3	
	+ Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
	+ Kinh phí chi theo QĐ 19/QĐ-UBND ngày 21/8/2016 của UBND tỉnh Điện Biên; Kinh phí tuyển truyền	100	
-	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	25	
*	Đoàn thanh niên	794	
-	Quản lý hành chính	779	
	+ Quản lý nhà nước	654	
	+ Đại hội Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam huyện Nậm Pồ lần thứ II, nhiệm kỳ 2019 - 2024 (Dự kiến)	120	
	+ Bảo trì phần mềm kế toán	3	
	+ Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	15	
*	Hội phụ nữ	674	
-	Quản lý hành chính	659	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
	+ Quản lý nhà nước	654	
	+ Bảo trì phần mềm kế toán	3	
	+ Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	15	
*	Hội Nông dân	691	
-	Quản lý hành chính	676	
	+ Quản lý nhà nước	571	
	+ Bảo trì phần mềm kế toán	3	
	+ Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
	+ Quỹ hỗ trợ Nông dân huyện Nậm Pồ	100	
-	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	15	
*	Hội Cựu chiến binh	417	
-	Quản lý hành chính	402	
	+ Quản lý nhà nước	397	
	+ Bảo trì phần mềm kế toán	3	
	+ Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	15	
18	Trạm khuyến nông - khuyến ngư	2.071	
*	Sự nghiệp nông nghiệp	2.046	
-	Chi thường xuyên	1.241	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Sự nghiệp nông nghiệp - Vốn hỗ trợ PTSX	800	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	25	
19	Văn phòng ĐK quyền sử dụng đất	732	
*	Sự nghiệp kinh tế khác	727	
-	Chi thường xuyên	722	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
20	Tổ chức phát triển quỹ đất	533	
*	Sự nghiệp kinh tế khác	528	
-	Chi thường xuyên	523	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
21	Trung tâm dạy nghề	924	
*	Sự nghiệp đào tạo	914	
-	Chi thường xuyên	914	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	10	
22	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	706	
*	Sự nghiệp đào tạo	701	
-	Chi thường xuyên	396	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán	Ghi chú
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Kinh phí mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch	300	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	5	
23	Đài truyền thanh - truyền hình	1.759	
*	Sự nghiệp truyền thanh truyền hình	1.734	
-	Chi thường xuyên	1.269	
-	Kinh phí hợp đồng cộng tác phát thanh viên	21,6	
-	Tiền điện và quản lý 44 điểm loa truyền thanh công cộng	31,8	
-	Kinh phí thuê bao mạng Internet, Mytivi, phí sử dụng tần số	26,6	
-	Kinh phí lập quỹ nhuận bút (Dự kiến)	100	
-	Tiền điện của Trạm phát lại TT-TH xã Si Pa Phìn, Chà Cang, Nà Hỳ (Dự kiến)	48	
-	Bảo hộ lao động	12	
-	Kinh phí duy tu sửa chữa máy móc, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ công tác truyền thanh - truyền hình (Dự kiến)	200	
-	Bảo trì phần mềm kế toán	3	
-	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	2	
-	Mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển Kinh tế xã hội	20	
*	KP tiết kiệm thực hiện CCTL	25	
24	Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ	40	
25	Hỗ trợ góp vốn cho Ngân hàng CSXH huyện	200	
26	Ngân sách xã (Như biểu 05 kèm theo)	68.975	
27	Đồn biên phòng Si Pa Phìn	40	
28	Đồn biên phòng Na Cô Sa	40	
29	Đồn biên phòng Nậm Nhù	40	
30	Đồn biên phòng Nà Hỳ	110	
-	Tr. Đó: Hỗ trợ đồn biên phòng Nà Hỳ - Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 - 03/3/2019) và 30 năm Ngày biên phòng toàn dân (03/3/1989 - 03/3/2019)	70	
31	Đồn biên phòng Nà Bùng	40	

CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	87.565	
I	Quản lý nhà nước	19.792	
1	Văn phòng HĐND - UBND	7.264	
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.236	
3	Phòng Tư pháp	735	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.550	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1.023	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.454	
7	Phòng Y tế	875	
8	Phòng Lao động thương binh và xã hội	1.160	
	<i>Tr. Đó: 120 triệu chi cho Hội người cao tuổi</i>		
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	513	
10	Phòng Tài nguyên - Môi trường	862	
11	Phòng Nội vụ	1.610	
	<i>Tr. Đó: 300 triệu đồng chi khen thưởng</i>		
12	Thanh tra huyện	807	
13	Phòng Dân tộc	703	
II	Văn phòng huyện ủy	5.979	
III	Khối đoàn thể	3.955	
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc	1.439	
2	Đoàn thanh niên	779	
3	Hội phụ nữ	659	
4	Hội nông dân	676	
5	Hội cựu chiến binh	402	
IV	Chi QLHC - Ngân sách xã (Như biểu 05 kèm theo)	54.100	
V	Dự kiến phân bổ 1 số chức danh còn thiếu: Công chức, viên chức huyện, xã, tăng hệ số lương, hoạt động đối ngoại với nước CHDCND Lào,...	2.040	
VI	Dự kiến bổ sung tổ chức các hoạt động phát sinh năm trong kế hoạch của tỉnh và huyện; Sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác chuyên môn	1.699	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NSĐP CÁC XÃ NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Tổng	Si pa phần	Phần hồ	Chà nưa	Chà tở	Nậm khăn	Chà cang	Nậm tin	Pa tẩn	Na cô sa	Nậm Như	Nà Khoa	Nậm Chua	Nà Hỷ	Vàng đán	Nà bùng
I	Tổng thu NS	69.138	5.736	4.763	5.047	4.455	4.120	4.070	4.009	4.496	4.684	4.372	3.826	4.261	4.958	5.135	5.206
1	Thu cân đối trên địa bàn	163	15	8	9	7	6	30	9	9	7	6	7	6	30	6	8
2	Thu BS từ NS cấp trên	68.975	5.721	4.755	5.038	4.448	4.114	4.040	4.000	4.487	4.677	4.366	3.819	4.255	4.928	5.129	5.198
II	Tổng chi NS	69.138	5.736	4.763	5.047	4.455	4.120	4.070	4.009	4.496	4.684	4.372	3.826	4.261	4.958	5.135	5.206
1	Chi cân đối NS	69.138	5.736	4.763	5.047	4.455	4.120	4.070	4.009	4.496	4.684	4.372	3.826	4.261	4.958	5.135	5.206
1.1	Chi thường xuyên	66.738	5.576	4.603	4.887	4.295	3.960	3.910	3.849	4.336	4.524	4.212	3.666	4.101	4.798	4.975	5.046
*	Chi SN kinh tế	2.243	228	177	105	171	124	45	173	166	139	173	127	141	145	171	158
-	Hỗ trợ cán bộ thú y	710	59	62	43	62	62	12	51	43	23	59	31	55	43	62	43
-	Hỗ trợ cán bộ khuyến nông	1.533	169	115	62	109	62	33	122	123	116	114	96	86	102	109	115
*	Chi Quản lý hành chính	54.100	4.418	3.705	3.993	3.410	3.212	3.251	2.991	3.473	3.657	3.536	2.985	3.319	3.894	4.118	4.138
-	Chi QLNN	31.370	2.352	2.039	2.326	1.938	1.833	2.066	1.745	1.974	1.905	2.139	1.799	1.913	2.400	2.502	2.439
+	Lương công chức xã	20.499	1.580	1.544	1.503	1.267	1.155	1.192	1.141	1.130	1.401	1.571	1.004	1.219	1.478	1.599	1.715
+	Phụ cấp cán bộ bán chuyên trách xã	1.703	147	115	115	92	184	111	112	72	111	69	111	121	103	129	111
+	Phụ cấp cán bộ bán chuyên trách bản	1.432	173	87	98	108	76	65	98	98	119	65	87	76	108	76	98
+	Phụ cấp Đại biểu HĐND	1.816	130	125	110	120	102	133	128	115	133	125	105	125	115	120	130
+	Chi đặc thù HĐND	750	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
+	Hưu xã	812	76	47	313		115	116		46					99		
+	Mua phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	300	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
+	Gia hạn phần mềm quản lý CBCC	90,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
+	Bảo trì phần mềm kế toán	45,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
+	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản	30,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
+	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	4.079,60	165,0	40,0	245,2	290,7	120,0	361,15	184,7	428,8	60,0	228,25	410,5	305,75	416,0	497,3	326,25
	Tr. đó: Mua sắm tập trung	2.261,75	100,0	30,0	125,0	185,0	95,0	200,0	60,0	200,0	60,0	145,0	235,0	135,0	195,0	236,75	260,0
-	Chi Đảng	5.127	520	403	320	384	308	185	279	382	346	330	317	385	219	369	380
+	Lương công chức xã	3.068	320	265	125	206	202	84	182	250	244	216	191	212	103	239	229
+	Cán bộ bán chuyên trách	657	42	45	42	56	28	28	30	42	28	40	53	82	28	60	53
+	Phụ cấp bí thư chi bộ	647	98	43	98	65	33	33	22	33	22	22	33	46	43	18	38

	Nội dung	Tổng	Sĩ pa phần	Phần hồ	Chà nửa	Chà tử	Năm khẩn	Chà cang	Năm tín	Pa tân	Na cô sa	Năm Như	Na Khoa	Năm Chùa	Na Hy	Vàng dán	Na bùng
+	Phụ cấp ban chấp hành	755	60	50	55	57	45	40	45	57	52	52	40	45	45	52	60
-	Chi Đoàn thể	10.360	954	726	835	682	649	601	559	693	852	545	508	594	751	676	735
+	Lương công chức xã	6.746	527	487	556	430	440	409	396	440	585	374	281	384	479	469	489
+	Phụ cấp phó các ban ngành, đoàn thể	1.105	84	70	84	56	70	70	80	70	70	53	70	80	84	84	80
+	Phụ cấp đoàn thể ban	2.509	343	169	195	196	139	122	83	183	197	118	157	130	188	123	166
-	Chi thường xuyên khác (Đã bao gồm kinh phí chi Đại hội MTTQ 30tr/xã trừ xã Chà Tờ, Hỗ trợ 08 xã biên giới 40trđ/xã, Các khoản chi đặc thù theo quy định)	7.243	592	537	512	406	422	399	408	424	554	522	361	427	524	571	584
*	An ninh	2.980	281	214	225	208	175	172	180	208	216	107	94	172	213	212	303
-	Lương trưởng công an xã	1.125	93	93	87	87	81	76	76	74	95			76	89	99	99
-	Phó công an, công an viên ban	1.855	188	121	138	121	94	96	104	134	121	107	94	96	124	113	204
*	Quốc phòng	5.105	459	357	409	346	304	302	350	334	347	256	310	324	386	329	292
-	Lương chỉ huy trưởng quân sự xã	1.389	99	108	92	91	80	85	94	72	95	97	81	94	107	97	97
-	PC dân quân tự vệ	2.402	242	161	231	169	154	127	175	182	157	79	149	155	189	147	85
-	Huấn luyện dân quân tự vệ	1.314	118	88	86	86	70	90	81	80	95	80	80	75	90	85	110
*	Chi SN đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	450	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
*	Chi SN Văn hóa – thông tin	1.110	110	70	75	80	65	60	75	75	85	60	70	65	80	65	75
-	Hỗ trợ chi văn hóa – thông tin	450	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
-	Chi XD đời sống văn hóa mới khu dân cư	660	80	40	45	50	35	30	45	45	55	30	40	35	50	35	45
*	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	450	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	450	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
*	Chi thi đua khen thưởng	300	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
1.2	Tiết kiệm CCTL	900	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
1.3	Dự phòng ngân sách	1.500	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

* Ghi chú: Kinh phí chi thường xuyên khác bao gồm: Kinh phí chi hoạt động đặc thù của cấp ủy Đảng, Văn phòng HĐND - UBND, các tổ chức chính trị xã hội; Chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng và soát xét văn bản quy phạm pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng;.....

PHÂN BỐ KINH PHÍ TIẾT KIỆM THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị	Dự toán năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	5.259	
1	Văn phòng HĐND - UBND	80	
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	25	
3	Phòng Tư pháp	5	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	25	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	20	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	3.819	
-	QLNN	20	
-	Sự nghiệp giáo dục	3.799	
7	Phòng Y tế	10	
8	Phòng Lao động thương binh và xã hội	30	
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	30	
-	QLNN	5	
-	Sự nghiệp văn hóa	20	
-	Sự nghiệp thể thao	5	
10	Phòng Tài nguyên - Môi trường	30	
11	Phòng Nội vụ	30	
12	Thanh tra huyện	5	
13	Phòng Dân tộc	10	
14	Văn phòng huyện ủy	80	
15	Khối đoàn thể	85	
*	Ủy ban mặt trận tổ quốc	25	
*	Đoàn thanh niên	15	
*	Hội phụ nữ	15	
*	Hội nông dân	15	
*	Hội cựu chiến binh	15	
16	Đài truyền thanh - truyền hình	25	
17	Trạm khuyến nông - khuyến ngư	25	
18	Trung tâm dạy nghề	10	
19	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	5	
20	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	5	
21	Tổ chức phát triển quỹ đất	5	
22	Ngân sách xã	900	60 triệu/xã